

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 444 /NMĐSH1-TM-KTATMT
V/v cung cấp báo giá “Cung cấp dịch vụ dán
nổi, kéo và vá băng tải phục vụ công tác sửa
chữa bảo dưỡng thường xuyên tại NMNĐ
Sông Hậu 1”

Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang có nhu cầu triển khai mua sắm gói thầu SH2026-030 “Cung cấp dịch vụ dán nổi, kéo và vá băng tải phục vụ công tác sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên tại NMNĐ Sông Hậu 1”, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục đính kèm.
2. Tiến độ cung cấp: trước tháng 06/2026.
3. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 16h00 ngày 16/3/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: yêu cầu các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên đóng dấu đỏ của Công ty) qua email theo địa chỉ dưới đây.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Hàng Thị Liên, Phòng Thương Mại - NMNĐ Sông Hậu 1

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; longpx@pvpgb.vn;
lienht@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu: VT, PTM (H. T. L.).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

Phụ lục Phạm vi công việc: Cung cấp dịch vụ dán nối, kéo và vá bằng tải phục vụ công tác sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên tại NMNĐ Sông Hậu 1

(Đính kèm Công văn số 444 /NMĐSHI-TM-KTATMT ngày 06/3 /2026)

STT	Danh mục dịch vụ	Thông số kỹ thuật của băng tải	Đơn vị tính	Số lượng
I		Hệ thống băng tải than		
1	1	Dịch vụ Dán nối băng tải lõi thép B1400 x ST500 (Bao gồm nhân công và máy móc lưu hóa thực hiện dịch vụ) B1400 x ST500 x (6+4)δ13 - Chiều rộng băng tải: 1400±1% mm - Cường lực kéo đứt băng tải: ST.500 N/mm - Đường kính cáp: 3,0±0,2 mm - Bề dày lớp mặt: 6,0±0,2 mm - Bề dày mặt dưới: 4,0±0,2 mm - Bề dày tổng 13±5% - Độ cứng bề mặt: 65 ± 5 Shore A	Mỗi	4
2	2	Dịch vụ Dán nối băng tải lõi thép B1200 x ST500 (Bao gồm nhân công và máy móc lưu hóa thực hiện dịch vụ) BELT.1200.ST.500/3.12.4.Z.- E - Chiều rộng băng tải: 1200 mm - Cường lực kéo đứt băng tải: ST.500 N/mm - Đường kính cáp: 3,0±0,2 mm - Bề dày mặt làm việc: 12mm±0,2 mm - Bề dày mặt dưới: 4mm±0,2 mm - Độ cứng bề mặt: 65 ± 5 Shore A	Mỗi	2
3	3	Dịch vụ Dán nối băng tải lõi thép B1000 x ST630 (Bao gồm nhân công và máy móc lưu hóa thực hiện dịch vụ) B1000 x ST630 x (6+4)δ14 - Chiều rộng băng tải: 1000±1% mm - Cường lực kéo đứt băng tải: ST.630 N/mm - Đường kính cáp: 3,0±0,2 mm - Bề dày lớp mặt: 6,0±0,2 mm - Bề dày mặt dưới: 4,0±0,2 mm - Bề dày tổng 14±5% - Độ cứng bề mặt: 65 ± 5 Shore A	Mỗi	4
4	4	Dịch vụ Dán nối băng tải lõi vải B1000 x EP 800 (Bao gồm nhân công và máy móc lưu hóa thực hiện dịch vụ) B1000xEP800/4 7+3mm - Chiều rộng băng tải: 1000mm - Lực kéo đứt: 800 N/mm - Số lớp bố chịu lực: 4 lớp - Cao su mặt trên: 7mm±0,2 mm - Cao su mặt dưới: 3mm±0,2 mm - Độ cứng bề mặt: 65 ± 5 Shore A	Mỗi	4
5	5	Dịch vụ dán nối băng tải lõi vải B1400 x EP 800 (Bao gồm nhân công và máy móc lưu hóa thực hiện dịch vụ) 1400 EP800/4-Y.S.6/4.-E - Chiều rộng băng tải: 1400mm - Lực kéo đứt: 800 N/mm - Số lớp bố chịu lực: 4 lớp - Cao su mặt trên: 6mm±0,2 mm - Cao su mặt dưới: 4mm±0,2 mm - Độ cứng bề mặt: 65 ± 5 Shore A	Mỗi	2
II		Hệ thống băng tải Đá vôi và Thạch cao		

STT		Danh mục dịch vụ	Thông số kỹ thuật của băng tải	Đơn vị tính	Số lượng
6	1	Dịch vụ Dán nối băng tải lõi vải B800 x EP500 (Bao gồm nhân công và máy móc lưu hóa thực hiện dịch vụ)	Width = 800mm - Type EP 500/4 - 4piles. - Top+Bottom cover 5+2 quality K (DIN22102); - Chiều rộng băng tải: 800mm - Lực kéo đứt: 500 N/mm - Số lớp bố chịu lực: 4 lớp - Cao su mặt trên: 5mm±0,2 mm - Cao su mặt dưới: 2mm±0,2 mm - Độ cứng bề mặt: 65 ± 5 Shore A	Mỗi	5
7	2	Dịch vụ Dán nối băng tải lõi vải B800 x EP400 (Bao gồm nhân công và máy móc lưu hóa thực hiện dịch vụ)	Width = 800mm - Type EP 400/3 - 3piles; - Top+Bottom cover 5+2 quality K (DIN22102); - Chiều rộng băng tải: 800mm - Lực kéo đứt: 400 N/mm - Số lớp bố chịu lực: 3 lớp - Cao su mặt trên: 5mm±0,2 mm - Cao su mặt dưới: 2mm±0,2 mm - Độ cứng bề mặt: 65 ± 5 Shore A	Mỗi	5
8	3	Dịch vụ Dán nối băng tải lõi vải B800 x EP400 (Bao gồm nhân công và máy móc lưu hóa thực hiện dịch vụ)	Width = 500mm - Type EP 400/3 - 3piles; - Top+Bottom cover 5+2 quality K (DIN22102); - Chiều rộng băng tải: 500mm; - Lực kéo đứt: 400 N/mm; - Số lớp bố chịu lực: 3 lớp; - Cao su mặt trên: 5mm±0,2 mm; - Cao su mặt dưới: 2mm±0,2 mm; - Độ cứng bề mặt: 65 ± 5 Shore A.	Mỗi	2
III		Dịch vụ kéo băng tải để dán nối			
9	1	Dịch vụ Kéo băng tải có chiều dài từ 10m/đoạn đến dưới 50m/đoạn	Kéo băng tải có chiều dài từ 10 m/đoạn băng tải đến 50 m/đoạn băng tải (Bao gồm: Nhân công kéo băng, thay băng tải (bao gồm kéo đối trọng, nẹp băng tải, rải băng tải, thu gom băng cũ..),	m	200
10	2	Dịch vụ Kéo băng tải có chiều dài từ 50m/đoạn đến dưới 100m/đoạn	Kéo băng tải có chiều dài từ 50 m/đoạn đến dưới 100 m/đoạn băng tải (Bao gồm: Nhân công kéo băng, thay băng tải (bao gồm kéo đối trọng, nẹp băng tải, rải băng tải, thu gom băng cũ..),	m	200
11	3	Dịch vụ Kéo băng tải có chiều dài từ 100m/đoạn đến dưới 200m/đoạn	Kéo băng tải có chiều dài từ 100 m/đoạn băng tải đến dưới 200 m/đoạn băng tải (Bao gồm: Nhân công kéo băng, thay băng tải (bao gồm kéo đối trọng, nẹp băng tải, rải băng tải, thu gom băng cũ..),	m	400
12	4	Dịch vụ Kéo băng tải có chiều dài từ 200m/đoạn đến dưới 300m/đoạn	Kéo băng tải có chiều dài từ 200 m/đoạn băng tải đến dưới 300 m/đoạn băng tải (Bao gồm: Nhân công kéo băng, thay băng tải (bao gồm kéo đối trọng, nẹp băng tải, rải băng tải, thu gom băng cũ..),	m	300

58159
NH
DẦU KHÍ
NG NGHIỆP
3 QUỐC GIA
NAM
Ồ HÀ

b

STT		Danh mục dịch vụ	Thông số kỹ thuật của băng tải	Đơn vị tính	Số lượng
13	5	Dịch vụ Kéo băng tải có chiều dài từ 300m/đoạn băng tải trở lên	Kéo băng tải từ 300 mét/ đoạn băng tải trở lên (Bao gồm: Nhân công kéo băng, thay băng tải (kéo đối trọng, nẹp băng tải, đưa băng tải lên giá, rải băng tải, thu gom băng cũ..), Chi phí dụng cụ (Gia công giá đặt băng tải, con lăn, cáp thép, pulley...)	m	400
IV		DỊCH VỤ VÁ NÓNG BĂNG TẢI			
14	1	Dịch vụ vá nóng băng tải lõi thép Vá nóng (lưu hóa)	Dịch vụ vá lưu hóa các vết vá nguội và các vết bong tróc/thùng băng tải than (bao gồm nhân công, công cụ dụng cụ và vật tư)	Mỗi	50
15	2	Dịch vụ vá nóng băng tải lõi vải Vá nóng (lưu hóa)	Dịch vụ vá lưu hóa các vết vá nguội và các vết bong tróc/thùng băng tải than (bao gồm nhân công, công cụ dụng cụ và vật tư)	Mỗi	50

36
1
15

6